TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/01/2018
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Minh Tuấn**
2. Bà **Mai Tường Vi**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Thị Thanh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: Bà **Phạm Bích Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/01/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST–HNGĐ ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1976;
Nơi ĐKNKTT: Thôn Thanh H, xã Đồng Th, huyện Vũ Th, tỉnh Thái B;
Tạm trú: khu Tân Lập 6, phường Cẩm Th, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh;
Nghề nghiệp: Lao động tự do, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hữu B**, sinh năm 1975;
Nơi ĐKNKTT: Thôn Thanh H, xã Đồng Th, huyện Vũ Th, tỉnh Thái B;
Tạm trú: khu Tân Lập 6, phường Cẩm Th, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh;
Nghề nghiệp: Lao động tự do, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Tôi và anh Nguyễn Hữu B xây dựng gia đình với nhau từ năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Th, huyện Vũ Th, tỉnh Thái B ngày 05/12/1995 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau một năm. Sau khi kết hôn, tôi và anh B sống chung với bố mẹ anh B ở thôn Thanh

Hương, xã Đồng Th, huyện Vũ Th, tỉnh Thái B được 2 năm thì mua đất làm nhà ở riêng (nhà đất của chúng tôi cũng ở thôn Thanh H). Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2007, do kinh tế gia đình khó khăn năm 2008, chúng tôi chuyển ra thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh làm kinh tế (chúng tôi tạm trú tại khu Tân Lập 6, phường Cẩm Th, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh). Cuối năm 2008, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B ngoại tình với người phụ nữ khác ở huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh nên bỏ bê nhà cửa, không có trách nhiệm gì với gia đình và còn có lời lẽ xúc phạm tôi. Thời điểm này, tôi và anh B đã sống ly thân khoảng 01 năm thì được hai bên gia đình can thiệp hòa giải, vì con cái còn nhỏ nên tôi đã tha thứ cho anh B nhưng đến năm 2015, anh B lại tiếp tục ngoại tình với người phụ nữ khác ở Ninh Bình, tôi cũng đã cố gắng níu kéo, khu phố cũng hòa giải nhưng không có kết quả. Tôi và anh B đã sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Tôi xét thấy không còn tình cảm gì với anh B nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B để tôi ổn định cuộc sống. Anh B không đồng ý ly hôn, muốn có thêm thời gian để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ gia đình vì con cái. Trong thời gian vừa qua, anh B cũng có tìm biện pháp để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng tôi không còn tin tưởng anh B được nữa nên anh B không đồng ý ly hôn thì tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu xin ly hôn của tôi đối với anh B theo quy định của pháp luật. Tôi và anh B có hai con chung là Nguyễn Hữu Ph1, sinh ngày 17/8/1996 và Nguyễn Hữu Ph2, sinh ngày 06/5/1999. Hai con chung của tôi và anh B đều đã thành niên, khỏe mạnh bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tôi sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh B, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2017 và các biên bản hòa giải ngày 24/11/2017, ngày 22/12/2017, bị đơn anh Nguyễn Hữu B trình bày: Tôi kết hôn với chị Lê Thị L từ năm 1995, có đăng ký kết hôn, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn 9 tháng. Vợ chồng sống bình thường hạnh phúc được 25 năm đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị L trình bày, tôi thừa nhận có quan hệ tình cảm với người khác nhưng đó chỉ là sai lầm nhất thời của tôi vì do công việc làm ăn xa nhà, xa vợ con, vui bạn bè và khi uống rượu vào thì tôi có nảy sinh tình cảm với người khác. Mối quan hệ đó đã chấm dứt, hiện nay tôi rất mong muốn vợ tôi suy nghĩ lại cho tôi cơ hội sửa chữa sai lầm. Các con chung của chúng tôi sắp trưởng thành, chúng tôi đã lớn tuổi, vì con cái nên tôi muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ gia đình. Do công việc của tôi còn một số vấn đề cần giải quyết nên phải một thời gian nữa tôi mới nghỉ hẳn để ở nhà vợ chồng có thời gian khắc phục mâu thuẫn nhưng thời gian vừa qua tôi thường xuyên gọi điện về nhà, muốn nói chuyện, muốn gần gũi quan tâm vợ nhưng vợ tôi từ chối không cho tôi cơ hội. Vợ tôi xin ly hôn, tôi không đồng ý, tôi vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau làm ăn lo cho con. Về con chung của chúng tôi đều đã thành niên đúng như vợ tôi trình bày. Về tài sản chung: Nếu ly hôn tôi và vợ tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm

phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L và quan điểm của bị đơn anh Nguyễn Hữu B. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L; không chấp nhận quan điểm của anh Nguyễn Hữu B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Hữu B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình ngày 05/12/1995 trên cơ sở tự nguyện. Về thời gian vợ chồng sống hạnh phúc theo chị L và anh B trình bày là có sự mâu thuẫn; về nguyên nhân mâu thuẫn như chị L và anh B trình bày nêu trên. Chị L xét thấy không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống; anh B mong muốn chị L suy nghĩ lại cho anh B cơ hội sửa chữa sai lầm, vì các con chung sắp trưởng thành. Thời gian vừa qua do công việc của anh B còn một số vấn đề cần giải quyết nên anh B chưa nghỉ hẳn về nhà để vợ chồng có thời gian khắc phục mâu thuẫn nhưng anh B thường xuyên gọi điện về nhà, muốn nói chuyện, muốn gần gũi quan tâm chị L nhưng chị L từ chối không cho anh B cơ hội. Anh B mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau làm ăn lo cho con nên chị L xin ly hôn, anh B không đồng ý. Sau phiên hòa giải ngày 22/12/2017, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B đến tham gia phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do nên không rõ quan điểm của anh B hiện nay về yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh B như thế nào. Chị L và anh B có hai con chung là Nguyễn Hữu Ph1, sinh ngày 17/8/1996 và Nguyễn Hữu Ph2, sinh ngày 06/5/1999. Hai con chung của chị L và anh B đều đã thành niên, khỏe mạnh bình thường, chị L và anh B (tại những lần có mặt tại Tòa án) đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng con chung. Về tài sản chung: Chị L có quan điểm tự thỏa thuận giải quyết với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B (tại những lần có mặt tại Tòa án) có quan điểm: nếu ly hôn, anh B và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị L và anh B (tại những lần có mặt tại Tòa án) đều xác định là không có.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tiến hành thu thập chứng cứ tại nơi chị L và anh B cư trú, được đại diện khu phố cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của chị L và anh B, về cơ bản đúng như chị L và anh B đã trình bày nêu trên.

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như nêu trên, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ quy định tại các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy tình

trạng hôn nhân giữa chị L và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tuy trong thời gian vừa anh B đã có những biện pháp nhằm khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị L không còn tin tưởng anh B nên không đồng ý về việc vợ chồng khắc phục mâu thuẫn về đoàn tụ gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh B, không chấp nhận quan điểm để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn về đoàn tụ gia đình của anh B; về con chung: Chị L và anh B có hai con chung là Nguyễn Hữu Ph1, sinh ngày 17/8/1996 và Nguyễn Hữu Ph2, sinh ngày 06/5/1999 đều đã thành niên, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, chị L và anh B (tại những lần có mặt tại Tòa án) đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng con chung nên không đề cập; về tài sản chung: Chị L có quan điểm tự thỏa thuận giải quyết với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B (tại những lần có mặt tại Tòa án) có quan điểm: Nếu ly hôn, anh B và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị L và anh B (tại những lần có mặt tại Tòa án) đều xác định là không có nên không đề cập.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Nguyễn Hữu B. Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu B.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009665 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi thành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp P;
- Chi cục THADS tp P;
- UBND xã Đồng Th, huyện Vũ Th, tỉnh Thái

B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VP.

Nguyễn Thúy Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thuý Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thuý Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thuý Hằng